

Số : /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 33/TTr-STTTT ngày 24/3/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (02 thủ tục) lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình

**Điều 2.** Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành công bố tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 13/7/2020/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

*(Phụ lục chi tiết kèm theo)*

Phụ lục Danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính tại Quyết định này được công khai trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ “csdl.dichvucong.gov.vn”; Trang Thông tin điện tử của Văn phòng UBND tỉnh tại địa chỉ: <http://vpubnd.hoabinh.gov.vn>; Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh (địa chỉ: sothongtin.hoabinh.gov.vn)

**Điều 3.** Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông

+ Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan liên quan, căn cứ Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Thời gian trước ngày 07/4/2021.

+ Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng TTHC tại Quyết định này trên Cổng Dịch vụ công tỉnh, Trang Thông tin điện tử của đơn vị và niêm yết, công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT Hòa Bình;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Ng.05b)

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

**Phụ lục**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÒA BÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**PHẦN I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung** (sửa đổi, bổ sung 02 TTHC lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành công bố tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình).

| STT | Tên TTHC/mã TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                              | Phí, lệ phí (nếu có)  | VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ pháp lý  |
|-----|--|---------------------|---|---|--|---|
| 1   | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh<br>1.003868.000.00.00.H28 | 15 ngày             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình | * Kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021:<br>+ Tài liệu in trên giấy: 7.500 đồng/trang quy chuẩn;<br>+ Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 3.000 đồng/phút;<br>+ Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 13.500 đồng/phút. | - Thông tư số số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19. | - Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;<br>- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;<br>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm |

|   |   |                  |  |   |   |  |
|---|---|------------------|--|---|---|--|
|   |   |                  |  |   |   | <p>2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí , lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.</li> </ul>  |
| 2 | <p>Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh</p> <p>1.003725.000.00.00.H28</p> | 15 ngày làm việc | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình</p> | <p>50.000 đồng/hồ sơ (Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)</p> <p>* Kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021: 25.000 đồng/hồ sơ</p> <p>Theo quy định tại Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính.</p> | <p>- Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí , lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;</li> <li>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ- CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</li> <li>- Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí , lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.</li> </ul> |

**B. Danh mục TTHC bãi bỏ do được sửa đổi, bổ sung**

| <b>STT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                          | <b>Lĩnh vực</b>         | <b>Đã công bố tại Quyết định</b>                                 |
|------------|--|-------------------------|--|
| 1          | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh       | Xuất bản                | Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh |
| 2          | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh | Phát hành xuất bản phẩm | Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 13/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh |

**PHẦN II**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

---

**I. Lĩnh vực Xuất bản**

**1. Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>         | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh thuộc danh mục tài liệu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị định số 195/2013/NĐ-CP lập hồ sơ gửi Sở Thông tin và Truyền thông và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép xuất bản, đóng dấu vào bản thảo tài liệu và lưu lại một bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</li></ul>   |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>        | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình;</li><li>- Nộp qua hệ thống bưu chính;</li><li>- Nộp qua mạng Internet: <i>Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến phải có chứng thư số của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép để xác nhận trên toàn bộ hồ sơ; nộp qua email phải là bản quét (scan) từ bản giấy có định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi có chữ ký, đóng dấu như bản giấy và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.</i></li></ul>   |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b> | <p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn đề nghị Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh;</li><li>- <i>Hai (02) bản thảo tài liệu in trên giấy có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tại trang đầu và gấp lại giữa các trang bản thảo hoặc 01 bản thảo lưu trong thiết bị lưu trữ điện tử với định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi; Trường hợp tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử thì nộp một (01) bản thảo điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản;</i></li><li>- <i>Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản.</i></li><li>- Ý kiến xác nhận bằng văn bản:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đối với tài liệu của các đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân phải có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ủy quyền.</li><li>+ Đối với tài liệu lịch sử Đảng, chính quyền địa phương; tài</li></ul></li></ul> |

|  |   |
|--|---|
|  | <p>liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương phải có ý kiến của tổ chức đảng, cơ quan cấp trên.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>  |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>  | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định  |
| <b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b>                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức tại địa phương;</li> <li>- Doanh nghiệp tại địa phương.</li> </ul>   |
| <b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b>                           | Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình.   |
| <b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</b>                           | Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh  |
| <b>Phí, lệ phí (nếu có):</b>   | <p>Phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu in trên giấy: 15.000 đồng/trang quy chuẩn;</li> <li>+ Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 6.000 đồng/phút;</li> <li>+ Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 27.000 đồng/phút.</li> </ul> <p><i>(Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)</i></p> <p>* Kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tài liệu in trên giấy: 7.500 đồng/trang quy chuẩn;</li> <li>+ Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 3.000 đồng/phút;</li> <li>+ Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 13.500 đồng/phút.</li> </ul> <p><i>(Theo quy định tại Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính).</i></p> |
| <b>Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục):</b> | Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh <i>(Mẫu số 14, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)</i>  |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b>       | Không có  |
| <b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b>                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;</li> <li>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản</li> </ul>  |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>phẩm để kinh doanh;</p> <p>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</p> <p>- Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.</p> |
|--|--|

Mẫu số 14 - Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC ...** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....(nếu có) Hòa Bình, ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh**

Kính gửi: .....<sup>1</sup>

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:.....

2. Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp(đối với doanh nghiệp); Số quyết định thành lập(đối với đơn vị sự nghiệp công lập); Số giấy phép hoạt động (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài)<sup>2</sup>

Cơ quan cấp.....ngày, tháng, năm cấp.....

3. Địa chỉ:.....

Số điện thoại: .....

Số fax: .....

Email:.....

4. Tên tài liệu: .....

5. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài):.....

Người dịch (cá nhân hoặc tập thể):.....

---



6. Hình thức tài liệu: .....
7. Số trang (hoặc dung lượng - byte):.....Phụ bản (nếu có): .....
8. Khuôn khổ (định dạng):..... cm. Số lượng in: ..... bản
9. Ngữ xuất bản:.....
10. Tên, địa chỉ cơ sở in:.....
11. Mục đích xuất bản: .....
12. Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành:.....
13. Nội dung tóm tắt của tài liệu: .....
- .....
14. Kèm theo đơn này gồm :.....<sup>3</sup>

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản, thực hiện việc in/đăng tải đúng nội dung tài liệu tại cơ sở in có giấy phép in xuất bản phẩm và tuân thủ các quy định pháp luật về xuất bản, sở hữu trí tuệ./.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM  
QUYỀN<sup>4</sup>**

**NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN/  
TỔ CHỨC**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

---

<sup>1</sup>Cơ quan, tổ chức ở trung ương và tổ chức nước ngoài gửi hồ sơ đến Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Thông tin và Truyền thông; cơ quan, tổ chức tại địa phương gửi hồ sơ đến Sở Thông tin và Truyền thông;

<sup>2</sup> Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước không bắt buộc phải nộp một trong các loại giấy quy định tại mục này

<sup>3</sup>Ghi rõ trong đơn các tài liệu đính kèm quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

<sup>4</sup> Phần này áp dụng đối với tài liệu không kinh doanh là kỹ yếu hội thảo, hội nghị, ngành nghề.

## II. Lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

### 1. Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

|  |  |
|--|--|
| <b>Trình tự thực hiện:</b>                     | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ quan, tổ chức và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh đến Sở Thông tin và Truyền thông nơi đặt trụ sở hoặc nơi Sở Thông tin và Truyền thông có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.</li><li>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.</li></ul>   |
| <b>Cách thức thực hiện:</b>                    | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình;</li><li>- Qua hệ thống bưu chính.</li><li>- Nộp qua mạng Internet: <i>Nộp qua cổng dịch vụ công trực tuyến phải có chứng thư số của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép để xác nhận trên toàn bộ hồ sơ; nộp qua email phải là bản quét (scan) từ bản giấy có định dạng không cho phép can thiệp, sửa đổi có chữ ký, đóng dấu như bản giấy và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông.</i></li></ul> |
| <b>Thành phần, số lượng hồ sơ:</b>             | <ol style="list-style-type: none"><li>Thành phần hồ sơ<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh;</li><li>- Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh.</li></ul></li><li>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</li></ol>   |
| <b>Thời hạn giải quyết:</b>                    | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định   |
| <b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> | Cá nhân, tổ chức   |
| <b>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</b>   | Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình   |
| <b>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</b>   | Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh   |
| <b>Phí, lệ phí (nếu có):</b>                   | 50.000 đồng/hồ sơ ( <i>Theo quy định tại Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính</i> )<br>* Kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021: 25.000 đồng/hồ sơ ( <i>quy định tại Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính</i> ).   |
| <b>Tên mẫu đơn, mẫu</b>                        | - Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không  |

|  |  |
|--|--|
| <b>tờ khai (nếu có và đính kèm ngay sau thủ tục):</b>            | kinh doanh ( <i>Mẫu số 30</i> );<br>- Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh ( <i>Mẫu số 31</i> ).<br><i>(Các mẫu trên ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)</i>   |
| <b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> | Không có   |
| <b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b>                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;</li> <li>- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;</li> <li>- Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.</li> <li>- <i>Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí , lệ phí nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.</i></li> </ul> |

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số:...../..... (nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm.....

### ĐƠN ĐỀ NGHỊ

#### Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh

Kính gửi: .....(1)

- Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép: .....
- Trụ sở (địa chỉ):.....Số điện thoại: .....
- Căn cứ vào nhu cầu sử dụng xuất bản phẩm nước ngoài,.....

..... (ghi tên tổ chức, cá nhân) đề nghị được cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, gồm:

1. Tổng số tên xuất bản phẩm: .....
2. Tổng số bản: .....
3. Tổng số băng, đĩa, cassette: .....
4. Từ nước (xuất xứ): .....
5. Tên nhà cung cấp/Nhà xuất bản: .....
6. Cửa khẩu nhập: .....

Kèm theo đơn này là 03 bản danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu.

Tổ chức/cá nhân ..... xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật xuất bản, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở ..... xem xét, cấp giấy phép./.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đơn như sau:

- Đối với cơ quan, tổ chức ở Trung ương, tổ chức nước ngoài có trụ sở tại thành phố Hà Nội đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Cục Xuất bản, In và Phát hành hoặc Sở thành phố Hà Nội;
- Đối với cơ quan, tổ chức khác và cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài đứng tên trên đơn đề nghị thì ghi Sở nơi đặt trụ sở hoặc nơi có cửa khẩu mà xuất bản phẩm được nhập khẩu.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN (NẾU CÓ)  
TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm .....

**DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM NHẬP KHẨU KHÔNG KINH DOANH**

(Kèm theo Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, ngày..... tháng..... năm.....)

**I- PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU**

| STT                | Mã ISBN           | Tên gốc của XBP | Tên XBP bằng tiếng Việt | Tác giả | Thể loại | Số bản | Tóm tắt nội dung | Có kèm theo |                |                | Phạm vi sử dụng | Hình thức khác của XBP |
|--------------------|-------------------|-----------------|-------------------------|---------|----------|--------|------------------|-------------|----------------|----------------|-----------------|------------------------|
|                    |                   |                 |                         |         |          |        |                  | Đĩa         | Băng, cassette | Hình thức khác |                 |                        |
| Nhà cung cấp:..... |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
| 1.                 |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
| ...                |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
| Nhà cung cấp:..... |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
| 1.                 |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
| ...                |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
|                    | <b>Tổng cộng:</b> |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |
|                    |                   |                 |                         |         |          |        |                  |             |                |                |                 |                        |

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

**II. PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU (1)**

Danh mục xuất bản phẩm trên đây được Cục Xuất bản, In và Phát hành/Sở... cấp giấy phép nhập khẩu số .../ngày...tháng...năm...

Chú thích: (1) Danh mục phải được Cục Xuất bản, In và Phát hành, Sở đóng dấu giáp lai với Giấy phép xuất nhập khẩu và đóng dấu giáp lai các trang của danh mục. Nếu danh mục đăng ký trên Cổng Thông tin Một cửa Quốc gia thì không cần đóng dấu giáp lai tại CXBIPH hoặc Sở

